

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2020/HNGĐ-ST

Ngày 17 - 8 - 2020

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tiêu Hồng Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Phi Hùng

Ông Đặng Hoàng Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 266/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

**- Bị đơn:** Ông Đỗ Văn L, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 18/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Đỗ Văn L tự nguyện chung sống với nhau năm 2015, đến năm 2018 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 02 năm 2020 cho đến nay. Nay bà xác định không thể tiếp tục chung sống với ông L được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 người con tên Đỗ Nhật M sinh ngày 26/7/2016, hiện bà Nh đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà Nh yêu

cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M, không yêu cầu ông L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Bà Nh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Bà Nh xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại văn bản ngày 20/6/2020, ông Đỗ Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Ông L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nh

Về con chung: Ông L đồng ý giao cháu Đỗ Nhật M sinh ngày 26/7/2018 cho bà Nh nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Ông Đỗ Văn L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông L.

[2] Về hôn nhân: Bà Nh với ông L tự nguyện chung sống với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn. Tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, thì mối quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Nh với ông Đỗ Văn L được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo bà Nh xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa sơ thẩm bà Nh vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông L; tại văn bản ngày 20/6/2020 ông L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nh. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà Nh cho bà Nh được ly hôn với ông L là phù hợp.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 người con tên Đỗ Nhật M sinh ngày 26/7/2016 đang sống cùng với bà Nh, khi ly hôn bà Nh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M, không yêu cầu ông L cấp dưỡng; đối với ông L đồng ý giao cháu M cho bà Nh nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của bà Nh là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và cũng phù hợp với ý kiến của ông L. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu M cho bà Nh nuôi dưỡng là phù hợp; đối với việc cấp dưỡng cho con, bà Nh không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng là phù hợp với trình bày của ông L và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị Nh phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nh. Cho bà Nguyễn Thị Nh được ly hôn với ông Đỗ Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Nhật M sinh ngày 26/7/2016 cho bà Nh được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Minh tròn 18 tuổi; vấn đề cấp dưỡng cho con không đặt ra. Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị Nh phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), bà Nh đã nộp tạm ứng 300.000 đồng tại biên lai số 0011195 ngày 18/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, được chuyển thu, bà Nh đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- CCTHADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã T, huyện.T;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Tiêu Hồng Phụng**